

Bản án số: 111/2018/HSPT

Ngày: 23/8 /2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hưng Bính

Các Thẩm phán: Ông Trương Cao Sơn

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Ái Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Số 11 Tôn Đức Thắng, Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trương Thị Tuyết M; do có kháng cáo của bị cáo Trương Thị Tuyết M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo: Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 23/8/1978 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Thanh B và bà Trương Thị Kim L; có chồng: Nguyễn L, có 05 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: 01 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Lúc nhỏ ở với cha mẹ, đi học văn hóa đến lớp 9/12 thì nghỉ học, sinh sống ở địa phương cho đến ngày gây án. Ngày 21/9/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại bản án số 240/2013/HSST. Đến nay M chưa chấp hành xong hình phạt; bị cáo M hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Ông Trần Hữu L, sinh năm 1960, trú tại: đường V. phường H, thành phố H. Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Ánh Ng, trú tại: KV3, phường D, thành phố H. Vắng mặt

Người làm chứng:

1. Anh Hồ Văn Đ, trú tại: KV3, phường D, thành phố H. Vắng mặt

2. Chị Lê Hải H, trú tại: Đường B, phường D, thành phố H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/11/2016, Trương Thị Tuyết M đến số nhà đường V. phường H, thành phố H gặp ông Trần Hữu L để liên hệ thuê xe mô tô với mục đích làm phương tiện đi lại. Sau khi thỏa thuận, ông L đồng ý cho M thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 với thời hạn 5 ngày từ ngày 25/11/2016 đến ngày 30/11/2016, đồng thời lập “Hợp đồng cho thuê xe máy” với M và đưa M ký tên vào. Theo hợp đồng giá tiền thuê xe là 80.000 đồng/ngày x 5 ngày = 400.000 đồng. M trả đủ 400.000 đồng cho ông L và nhận xe về. Sử dụng được 03 đến 04 ngày, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông L. M liên lạc với chị Trần Thị Ánh Ng (tên khác: Ny), ở tại kV3, phường D, thành phố H để cầm xe. Tin tưởng nguồn gốc tài sản, chị Ng nhận cầm xe mô tô biển số 75F1-09050 nhưng không viết giấy tờ gì và giao cho M số tiền 7.000.000 đồng.

Hết thời hạn thuê xe 05 ngày, do không có tiền để chuộc xe đem về trả cho ông L nên M trì hoãn bằng cách gặp ông L để xin gia hạn thuê xe thêm 05 ngày nữa (hai bên thỏa thuận miệng). M vẫn trả trước cho ông L số tiền 400.000 đồng. Sau đó cứ hết 05 ngày, M lại tiếp tục đến gia hạn thuê xe bằng miệng với ông L. Tổng cộng 8 đến 9 lần gia hạn thuê xe. Đến khoảng đầu tháng 01/2017, do không còn khả năng để tiếp tục gia hạn nên M lẩn tránh ông L. Qua tìm hiểu biết được M đã đưa xe mô tô của mình đi cầm cố nên ông L đã có đơn trình báo gửi cơ quan công an đề nghị làm rõ.

Ngày 03/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với đối với Trương Thị Tuyết M.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ từ chị Trần Thị Ánh Ng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050, số máy 5C63-525943, số khung 30BY-525899.

Thu giữ từ ông Trần Hữu L 01 “Hợp đồng cho thuê xe máy”, biển số 75F1-09050 lập ngày 25/11/2016 giữa bên cho thuê là ông Trần Hữu L và bên thuê là Trương Thị Tuyết M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 291/KL-HĐ ĐG ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 cho ông Trần Hữu L. Ông L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, đồng thời đề nghị cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Ánh Ng yêu cầu Trương Thị Tuyết M bồi thường cho chị số tiền 5.000.000 đồng. M đã bồi thường 2.000.000 đồng. Chị Ng yêu cầu M tiếp tục bồi thường cho chị số tiền 3.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 19/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Tuyết M phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Trương Thị Tuyết M 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các điều 585, 586 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trương Thị Tuyết M phải bồi thường cho chị Trần Thị Ánh Ng số tiền 3.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/3/2018, bị cáo Trương Thị Tuyết M có đơn kháng cáo xin đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trả hồ sơ điều tra lại và cho bị cáo được áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện điều trị bệnh và nuôi con nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến trình bày như sau: Việc bị cáo M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định. Về kháng cáo của bị cáo thấy rằng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo được. Tuy nhiên hiện nay bị cáo đang bị bệnh mạn thận nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo 03 tháng tù và xử phạt bị cáo Trương Thị Tuyết M 06 tháng tù là hợp lý và phù hợp với pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Trương Thị Tuyết M kháng cáo trong thời gian quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/11/2016, Trương Thị Tuyết M đến số nhà đường V. phường H, thành phố H gặp ông Trần Hữu L để thuê xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 với mục đích làm phương tiện đi lại. Sau khi thuê xe đi một thời gian, M nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem xe mô tô trên đi cầm cho chị Trần Thị Ánh Ng với số tiền 7.000.000 để tiêu xài. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 có trị giá 11.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Trương Thị Tuyết M về tội: “Lạm

dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Thị Tuyết M, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tra hồ sơ điều tra lại và cho bị cáo M được áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo M cho rằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 bị cáo M trực tiếp giao cho chị Lê Hải H để cầm cố lấy 7.000.000 đồng, chứ không phải giao cho chị Trần Thị Ánh Ng. Bị cáo M cho rằng bị cáo giao xe cho chị Ng vì chị Ng là người có vay tiền của ba bị cáo M và bị cáo tin rằng chị Ng phải tự thanh toán số tiền mà bị cáo M đã cầm cố xe và chị Ng trả lại xe cho ông Trần Hữu L. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, qua xem xét hồ sơ, lời khai của bị cáo M, lời khai của chị Ng, của người làm chứng và biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu đã chứng minh việc bị cáo M cầm cố chiếc xe cho chị H là không có căn cứ. Tại các biên bản ghi lời khai của chị Ng, chị H thì chị Ng, chị H đều cho rằng, chị Ng là người trực tiếp cầm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 và đưa cho M 7.000.000 đồng, còn chị H thì khẳng định không cầm xe của M; chị Ng, chị H cũng xác nhận là M trước đây có cầm xe ở nhà mẹ chị H nhiều lần và cầm nhiều xe nên có thể M nhớ không chính xác (bút lục số 38 đến 41, bút lục số 45 đến 48). Tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 07/9/2017 (bút lục số 49), Công an phường Phú Hội, thành phố Huế đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 75F1-09050 tại nhà chị Trần Thị Ánh Ng. Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 09/11/2017 (bút lục số 25, 26), M đã khai cầm chiếc mô tô này tại nhà chị Ng và có thỏa thuận trả lãi cho chị Ng; đồng thời M cũng khai có lúc cầm xe tại nhà mẹ chị H, có lúc cầm xe ở nhà chị Ng, cầm mấy chiếc nên không nhớ cụ thể. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo M về việc trả hồ sơ điều tra lại.

Về kháng cáo của bị cáo M xin cho bị cáo M được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang bị bệnh suy thận mãn tính, đó là những tình tiết quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, bị cáo M có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới. Do đó, bị cáo M đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo M 09 tháng tù là đã cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo M. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa bị cáo có đơn trình bày hiện bị cáo bị bệnh suy thận mạn giai đoạn cuối. Tòa án đã xác minh vào ngày 21/8/2018 với kết quả là bị cáo bị bệnh suy thận mạn giai đoạn 5 Bác sỹ chỉ định lọc máu, thay thận nhưng bị cáo chưa thực hiện. Đồng thời, gia đình bị cáo có người anh ruột của mẹ bị cáo là liệt sỹ. Như vậy đây là các tình tiết mới được xem xét tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Do đó, Hội đồng xét xử xét vì tính nhân đạo của Nhà nước cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo là 03 tháng tù và xử phạt bị cáo M 06 tháng tù như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị Tuyết M không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999;

1. Bác kháng cáo của bị cáo Trương Thị Tuyết M về yêu cầu trả hồ sơ điều tra lại và xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, sửa án sơ thẩm

Xử phạt bị cáo Trương Thị Tuyết M **06 (Sáu) tháng tù** về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị Tuyết M không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hưng Bính